

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/LĐ-ST
Ngày: 11 – 3 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 197/2024/TLST – LĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kiều Diễm T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn V;

Địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông IL KYOUNG KIM - Chức vụ Giám đốc (xin vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành L – Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều Diễm T trình bày:

Do không am hiểu quy định pháp luật nên bà có cho bà Nguyễn Thị Trà M mượn giấy chứng minh nhân dân do bà đứng tên để xin việc làm tại Công ty TNHH V; địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã Đ, Đ, Long An. Bà M có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009039090 trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013, thì bà M nghỉ việc.

Trong khi đó, từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013, bà T xin vào làm việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ: D, quốc lộ A, phường T, quận B, Tp.HCM, bà có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7909088915.

Do vậy, hiện nay tồn tại 02 sổ bảo hiểm xã hội số 8009039090 và số 7909088915 cùng mang tên Trần Thị Kiều Diễm T nên bà Diễm T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T (do bà Nguyễn Thị Trà M thực tế làm việc) với Công ty TNHH V thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013;

2/ Điều chỉnh tên ghi trên sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009039090 từ tên Trần Thị Kiều Diễm T sang tên bà Nguyễn Thị Trà M tham gia lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2013 tại Công ty TNHH V.

Bị đơn người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 13/12/2024, ông IL KYOUNG KIM, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Công ty đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T với Công ty TNHH V được giao kết từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2013. Công ty không yêu cầu Cơ quan bảo hiểm xã hội hoàn lại tiền bảo hiểm mà Công ty đã đóng cho bà Trần Thị Kiều Diễm T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 18/11/2024, trình bày: Bà xác nhận có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Kiều Diễm T để vào làm việc tại Công ty TNHH V trong từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013 và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 8009039090 nhưng thông tin ghi trên hợp đồng lao động là tên Trần Thị Kiều Diễm T. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều Diễm T, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L

xác định Công ty TNHH V, địa chỉ trụ sở: ấp C, xã Đ, Đ, Long An, có tham gia đóng bảo hiểm, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trần Thị Kiều Diễm T từ tháng 10/2009 đến tháng 02 năm 2013 trên sổ sổ bảo hiểm xã hội 8009039090. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 19/12/2024, bà T chưa hưởng chế độ BHXH, BHTN một lần, đã hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp theo quyết định số 3329/QĐ-SLĐTBXH-BHTN ngày 02/5/2013 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh L. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 49 của Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều Diễm T về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T (do bà Nguyễn Thị Trà M thực hiện) với Công ty TNHH V; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, Đ, Long An, thời gian lao động từ tháng 10/2009 đến tháng 02/2013; Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009039090 từ tên Trần Thị Kiều Diễm T thành tên Nguyễn Thị Trà M, thời gian lao động từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013 tại Công ty TNHH V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều Diễm T như trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH V có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị Kiều Diễm T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH V là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Trà M và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị Kiều Diễm T khởi kiện Công ty TNHH V vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo nên bà Trần Thị

Kiều Diễm T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Trần Thị Kiều Diễm T có nộp chứng cứ là: Sổ BHXH số 8009039090 và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian năm 2009 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Trần Thị Kiều Diễm T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T (nhưng do bà Nguyễn Thị Trà M là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH V là vô hiệu. Tuy nhiên, Trần Thị Kiều Diễm T, bà Nguyễn Thị Trà M không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH V có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Trần Thị Kiều Diễm T từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013 theo sổ bảo hiểm số 8009039090 nên có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T với Công ty TNHH V có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013.

[2.2]. Xét thấy, bà Trần Thị Kiều Diễm T có cho bà Nguyễn Thị Trà M mượn chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Kiều Diễm T để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013 tại Công ty TNHH V theo sổ BHXH số 8009039090. Trong khi đó bà Trần Thị Kiều Diễm T cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P và tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 7909088915 từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 4 năm 2013.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2009 thì người mang tên Trần Thị Kiều Diễm T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH V và Công ty TNHH P.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Trà M tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH V nhưng hợp đồng lao động ghi tên Trần Thị Kiều Diễm T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T với Công ty TNHH V là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều Diễm T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Trần Thị Kiều Diễm T trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8009039090 trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013 tại Công ty TNHH V thành tên Nguyễn Thị Trà M.

[3]. Bà Nguyễn Thị Trà M, Công ty TNHH V không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị Kiều Diễm T: tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm đồng sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kiều Diễm T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH V.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều Diễm T (do bà Nguyễn Thị Trà M là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH V từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 02 năm 2013.

1.2. Điều chỉnh tên Trần Thị Kiều Diễm T trên sổ bảo hiểm số 8009039090 trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2013 thành tên Nguyễn Thị Trà M.

Bà Trần Thị Kiều Diễm T và bà Nguyễn Thị Trà M được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009039090 từ tên Trần Thị Kiều Diễm T sang tên Nguyễn Thị Trà M.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị Kiều Diễm T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Kiều Diễm T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6261 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật tố tụng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức

